

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016
của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã
dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 01/7/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự (sau đây viết tắt là Nghị định 58/2016/NĐ-CP). Qua gần 07 năm thực hiện, Nghị định đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai quản lý nhà nước về mật mã dân sự theo Luật An toàn thông tin mạng, là hành lang pháp lý quan trọng triển khai các hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự và là căn cứ để thực hiện xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực mật mã dân sự (MMDS).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Nghị định đã nảy sinh một số hạn chế bất cập, chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu quản lý nhà nước về mật mã dân sự.

Để có cơ sở đề xuất xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự, Bộ Quốc phòng đã tiến hành tổng kết, đánh giá việc thi hành Nghị định. Dự thảo Báo cáo tổng kết đã lấy ý kiến tham gia của 04 tổ chức, hiệp hội, hơn 30 doanh nghiệp và các Bộ, ngành liên quan. Trên cơ sở báo cáo tổng kết, đánh giá và kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung của các cơ quan, tổ chức liên quan, Bộ Quốc phòng báo cáo tổng kết việc thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP.

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện Nghị định 58/2016/NĐ-CP

Sau khi Nghị định 58/2016/NĐ-CP được ban hành, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã giao Ban Cơ yếu Chính phủ triển khai thực hiện Nghị định. Ban Cơ yếu Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 1261/KH-BCY ngày 15/9/2016, trong đó Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu, xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy

phạm pháp luật và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: quản lý, cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MMDS, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS; thành lập, công bố và vận hành Website cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 để giải quyết thủ tục hành chính về mật mã dân sự; đánh giá, cấp chứng nhận chất lượng sản phẩm MMDS; quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ MMDS; kiểm tra, khảo sát, đánh giá tình hình kinh doanh, xuất nhập khẩu và sử dụng sản phẩm MMDS; tập huấn, hướng dẫn kê khai và áp dụng Danh mục sản phẩm, dịch vụ MMDS, Danh mục sản phẩm MMDS xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép; thanh tra, giải quyết khiếu nại, xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý MMDS và hợp tác quốc tế về MMDS.

Đồng thời, để triển khai thực hiện Nghị định 58/2016/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 2521/QĐ-BQP ngày 28/6/2019 về việc chỉ định tổ chức chứng nhận sự phù hợp sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giao Ban Cơ yếu Chính phủ xây dựng và ban hành “Quy trình kiểm định, đánh giá, cấp chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự”, “Quy trình cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự”, “Quy trình kiểm tra hoạt động kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự” để phục vụ công tác quản lý hoạt động kinh doanh, sử dụng sản phẩm, dịch vụ MMDS.

Hàng năm, Ban Cơ yếu Chính phủ tổ chức hội nghị phổ biến, hướng dẫn thực hiện quy định của pháp luật về quản lý MMDS cho các doanh nghiệp. Đến nay đã tổ chức 15 hội nghị để phổ biến các quy định về quản lý MMDS cho hơn 200 doanh nghiệp kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS, trong đó có 03 hội nghị quốc gia triển khai thực hiện Nghị định 58/2016/NĐ-CP và các văn bản liên quan. Bên cạnh đó, Ban Cơ yếu Chính phủ đã phối hợp với các cơ quan, bộ, ngành và hiệp hội doanh nghiệp tổ chức các hội thảo, tọa đàm về các nội dung liên quan đến quản lý MMDS, định hướng nghiên cứu, ứng dụng sản phẩm và giải pháp công nghệ về bảo mật an toàn thông tin... Thông tin về văn bản quản lý MMDS và các hoạt động liên quan thường xuyên được đăng tải trên các phương tiện truyền thông với trên 50 lượt tin, bài; đồng thời cập nhật các tin, bài trên Trang thông tin điện tử về MMDS (<https://nacis.gov.vn>).

2. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định 58/2016/NĐ-CP, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;

- Nghị định số 32/2023/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự;

- Thông tư số 249/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự;

- Thông tư số 161/2016/TT-BQP ngày 21/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mật mã dân sự sử dụng trong lĩnh vực ngân hàng;

- Thông tư số 23/2022/TT-BQP ngày 04/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đặc tính kỹ thuật mật mã sử dụng trong các sản phẩm mật mã dân sự thuộc nhóm sản phẩm bảo mật luồng IP sử dụng công nghệ IPsec và TLS.

Đối với công tác quản lý chất lượng sản phẩm MMDS, Bộ Quốc phòng đã xây dựng và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 55 tiêu chuẩn quốc gia, xây dựng và ban hành 05 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực mật mã dân sự làm cơ sở thực hiện đánh giá, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm, dịch vụ MMDS (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

3. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MMDS, xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS

Căn cứ quy định về quản lý kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS tại Luật An toàn thông tin mạng và Nghị định 58/2016/NĐ-CP, từ 01/7/2016 đến nay, Ban Cơ yếu Chính phủ đã cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MMDS cho hơn 250 doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kinh doanh; tiếp nhận, xử lý và giải quyết đối với 836 hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MMDS (gồm hồ sơ cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi) và 1.455 hồ sơ cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS¹. Các thủ tục hành chính về cấp phép kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS được thực hiện trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng Dịch vụ công Bộ Quốc phòng.

Trong quá trình triển khai công tác quản lý hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MMDS, Ban Cơ yếu Chính phủ đã thực hiện hướng dẫn, trả lời vướng mắc của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân qua đường dây nóng, thư điện tử,

¹ Số liệu tính đến ngày 28/02/2023.

qua cổng dịch vụ công trực tuyến và hướng dẫn, giải đáp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính mật mã dân sự².

Quá trình triển khai Nghị định luôn có sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là cơ quan hải quan để hướng dẫn kịp thời việc kê khai, áp dụng Danh mục sản phẩm MMDS xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép; đồng thời hướng dẫn, xử lý các khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp gặp phải. Cho đến nay, cơ sở dữ liệu Danh mục sản phẩm, dịch vụ MMDS và Danh mục sản phẩm MMDS xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép đã được xây dựng và cập nhật với trên 10 ngàn sản phẩm MMDS và 03 nhóm dịch vụ MMDS được quản lý, cấp phép theo quy định tại Nghị định 58/2016/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Triển khai thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, sử dụng sản phẩm, dịch vụ MMDS, từ năm 2017 đến nay, cơ quan trực tiếp quản lý đã tiến hành 11 đợt kiểm tra đối với 95 tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh, sử dụng sản phẩm MMDS.

Về cơ bản, doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, sử dụng sản phẩm MMDS chấp hành đúng quy định của pháp luật. Một vài tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh không đúng phạm vi giấy phép hoặc chưa thực hiện các thủ tục cấp phép, chưa tuân thủ đúng chế độ báo cáo đã được cơ quan quản lý kịp thời chấn chỉnh, đôn đốc thực hiện. Ban Cơ yếu Chính phủ cũng đã phối hợp với các cơ quan liên quan để xử lý vi phạm đối với một số doanh nghiệp chưa được cấp phép kinh doanh nhưng vẫn thực hiện các hoạt động kinh doanh sản phẩm MMDS. Nguyên nhân của tình trạng này là do trong những năm đầu triển khai Luật An toàn thông tin mạng và Nghị định 58/2016/NĐ-CP, việc cập nhật văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế; doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm MMDS trong 02 năm diễn ra đại dịch Covid-19 gặp khó khăn do thay đổi nhân sự, do đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu và ảnh hưởng của nền kinh tế nói chung...

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

a) Về quản lý, cấp phép kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự

- Danh mục sản phẩm, dịch vụ MMDS ban hành tại *Phụ lục I* kèm theo Nghị định 58/2016/NĐ-CP gồm 08 nhóm sản phẩm. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động quản lý kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS tập trung vào 06 nhóm sản phẩm: *sản phẩm sinh khóa mật mã, quản lý hoặc lưu trữ khóa mật mã, thành phần mật mã trong hệ thống PKI, sản phẩm bảo mật dữ liệu lưu giữ, sản phẩm bảo mật dữ liệu trao đổi trên mạng, sản phẩm bảo mật luồng IP và bảo mật kênh, sản phẩm bảo mật thoại tương tự và thoại số*. Vì vậy cần thiết

² Bổ sung địa chỉ cụ thể

phải rà soát, loại bỏ một số nhóm sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự ban hành tại Nghị định 58/2016/NĐ-CP không còn phù hợp với thực tiễn.

Bên cạnh đó, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ bảo mật, an toàn thông tin và nhu cầu của khách hàng về việc tích hợp đa tính năng an toàn, bảo mật vào thiết bị đã tạo ra rất nhiều sản phẩm lưỡng dụng tích hợp tính năng bảo mật như sản phẩm firewall tích hợp bảo mật luồng VPN IPsec, SSL/TLS hay sản phẩm điện thoại thông minh (smart phone) có tích hợp bảo mật thoại, bảo mật hình ảnh. Tuy nhiên, trong 08 nhóm sản phẩm tại Danh mục sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự vẫn chưa đầy đủ tất cả các sản phẩm MMDS đang kinh doanh, xuất nhập khẩu trên thị trường, vì vậy cần được rà soát, bổ sung và đưa ra giải pháp quản lý hiệu quả đối với các sản phẩm MMDS lưỡng dụng tích hợp tính năng an toàn và bảo mật thông tin.

- Quá trình triển khai thực hiện các hoạt động quản lý, cấp phép cho các sản phẩm MMDS cho thấy phần "*Giải thích*" đối với các sản phẩm MMDS được loại trừ quản lý, cấp phép tại Danh mục sản phẩm, dịch vụ MMDS chưa rõ ràng và một số sản phẩm không còn phù hợp với thực tiễn. Ví dụ: sản phẩm "*Thiết bị không dây thực hiện mã hóa thông tin với khoảng cách lớn nhất không có khuếch đại và chuyển tiếp nhỏ hơn 400m theo điều kiện kỹ thuật của nhà sản xuất*" xác định tiêu chuẩn khoảng cách "nhỏ hơn 400m" không còn phù hợp với thực tế, vì hiện nay, các nhà sản xuất công bố tiêu chuẩn cho thiết bị không dây theo đơn vị "dbm"...

b) Về quản lý, cấp phép xuất nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự

- Qua rà soát, đối chiếu *Danh mục sản phẩm mật mã xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép* (ban hành kèm theo Nghị định số 53/2018/NĐ-CP) với *Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép* (ban hành kèm theo **Thông tư số 10/2022/TT-BTTTT** ngày 20/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng), hiện tại có 01 dòng sản phẩm "**sản phẩm mạng riêng ảo - VPN**" tại *Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép* thuộc phạm vi quản lý, cấp phép của Bộ Thông tin và Truyền thông trùng với các sản phẩm thuộc nhóm "**Sản phẩm bảo mật luồng IP và bảo mật kênh**" tại *Danh mục sản phẩm mật mã xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép* thuộc phạm vi quản lý, cấp phép của Ban Cơ yếu Chính phủ. Như vậy, doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm trên phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép kinh doanh, giấy phép xuất nhập khẩu của hai cơ quan là Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban Cơ yếu Chính phủ.

- Theo quy định tại Điều 34 Luật An toàn thông tin mạng thì doanh nghiệp được xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS khi có Giấy phép kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự. Như vậy, chỉ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh mới có thể thực hiện xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS. Thực tiễn hiện nay, có nhiều tổ chức, cá nhân có nhu cầu xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS để sử dụng, không nhằm mục đích kinh doanh (doanh nghiệp nước ngoài đầu tư xây dựng và lắp đặt dây chuyền sản xuất tại Việt Nam có nhu cầu chuyển các thiết bị, sản phẩm MMDS sang Việt Nam phục vụ sản xuất; tổ chức, địa phương trong nước được các tổ chức nước ngoài viện trợ sản phẩm MMDS để sử dụng;...) nhưng không phải là doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm MMDS thì không thể thực hiện được thủ tục xuất nhập khẩu, vì thiếu các quy định của pháp luật về nhập khẩu sản phẩm MMDS không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ban hành Danh mục sản phẩm MMDS xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (*Phụ lục II*) có mã số HS phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Để thực hiện cam kết của Việt Nam về thống nhất danh mục và biểu thuế xuất nhập khẩu trong ASEAN, Chính phủ giao Bộ Tài chính rà soát, điều chỉnh Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo định kỳ bằng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017, Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019, Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022). Tuy nhiên, Danh mục sản phẩm MMDS xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép được ban hành tại nghị định của Chính phủ. Vì vậy, khi có thay đổi mã số HS, Bộ Quốc phòng xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định sửa đổi, bổ sung để chuẩn hóa mã số HS (Nghị định số 53/2018/NĐ-CP, Nghị định 32/2023/NĐ-CP).

- Luật An toàn thông tin mạng và Nghị định 58/2016/NĐ-CP không quy định trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS³. Điều này dẫn đến khó khăn cho doanh nghiệp khi có yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS. Đồng thời, bổ sung biểu mẫu đề nghị sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS.

c) Về quản lý sử dụng sản phẩm mật mã dân sự

Khoản 4 Điều 36 Luật An toàn thông tin mạng quy định “*Tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm mật mã dân sự không do doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự cung cấp phải khai báo với Ban Cơ yếu Chính phủ, trừ cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước ngoài và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên Chính phủ tại Việt Nam*”.

³ Điều 5 quy định về trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và Điều 6 quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

Hiện nay, có rất nhiều tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm mật mã dân sự không do doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự cung cấp (tổ chức, cá nhân được viện trợ, tặng, cho sản phẩm MMDS để sử dụng...) chưa thực hiện nghĩa vụ khai báo với Ban Cơ yếu Chính phủ do thiếu văn bản quy định chi tiết về thủ tục khai báo.

d) Về xử lý vi phạm hành chính

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính: *“Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải được quy định cụ thể tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước”*. Tuy nhiên, Nghị định 58/2016/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về các tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính (các tổ chức kinh tế, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh...).

- Thiếu quy định về hình thức xử phạt (xử phạt chính, xử phạt bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả làm căn cứ xử lý hành vi vi phạm hành chính.

- Quy định về mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính cần sửa đổi, bổ sung để làm căn cứ xử lý hành vi vi phạm hành chính trong những trường hợp cụ thể:

+ Về mức tiền xử phạt vi phạm hành chính: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020, mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực cơ yếu được điều chỉnh từ 50 triệu đồng lên đến 75 triệu đồng. Do đó, Nghị định 58/2016/NĐ-CP cần sửa đổi, bổ sung xây dựng cơ cấu khung phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020.

+ Về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Trường ban Ban Cơ yếu Chính phủ. Tuy nhiên, Nghị định 58/2016/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Cơ yếu, Trường đoàn thanh tra chuyên ngành, thanh tra viên cơ yếu. Quy định về thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh không phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính. Điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định 58/2016/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh: *“Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt quy định tại điểm b khoản này”* (mức 50.000.000 đồng). Tuy nhiên, tại điểm d khoản 3 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính không giới hạn giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với chức danh của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Qua công tác kiểm tra, thanh tra và yêu cầu thực tiễn đối với xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực MMDS, nhiều hành vi vi phạm pháp luật hành chính nhưng chưa được quy định tại Nghị định 58/2016/NĐ-CP, cụ thể:

+ Hành vi kinh doanh không đúng về đối tượng, phạm vi, quy mô, thời hạn, địa điểm ghi trên Giấy phép kinh doanh.

+ Hành vi kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự mà giấy phép kinh doanh được cấp đã hết hiệu lực.

+ Hành vi kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự nhưng không đáp ứng điều kiện kinh doanh theo quy định trong quá trình hoạt động.

+ Hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh.

+ Hành vi kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép kinh doanh, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự.

+ Hành vi không khai báo việc mất giấy phép kinh doanh.

+ Hành vi không thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy phép kinh doanh khi thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép kinh doanh.

đ) Về quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự

Nghị định 58/2016/NĐ-CP và các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về MMDS hiện nay chưa có quy định chi tiết về trình tự, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và công bố hợp quy sản phẩm MMDS.

Bên cạnh quản lý cấp phép kinh doanh đối với sản phẩm, dịch vụ MMDS, quản lý chất lượng sản phẩm là một khâu then chốt trong quản lý bảo mật, an toàn thông tin; ngăn ngừa việc kinh doanh, sử dụng hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, an ninh thông tin... Căn cứ quy định tại Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và các nghị định liên quan, sản phẩm hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa kinh doanh có điều kiện bắt buộc phải thực hiện chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

Theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, kinh doanh sản phẩm MMDS là loại hình kinh doanh có điều kiện (khoản 1 Điều 40), thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép (khoản 1 Điều 34) và trước khi đưa sản phẩm lưu thông trên thị trường phải thực hiện chứng nhận hợp quy hoặc công bố hợp quy và sử dụng dấu hợp quy (khoản 1 Điều 39).

Khoản 7 Điều 38 Luật An toàn thông tin mạng quy định: “*Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xây dựng dự thảo tiêu*

chuẩn quốc gia đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố và hướng dẫn thực hiện; xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, chỉ định và quản lý hoạt động của tổ chức chứng nhận sự phù hợp đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự; quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự". Về trách nhiệm quản lý nhà nước, tại khoản 4 Điều 52 Luật An toàn thông tin mạng quy định: Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng "*quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, quản lý công tác đánh giá, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự*".

Chứng nhận hợp quy là một yêu cầu bắt buộc trong quản lý, đánh giá sự phù hợp sản phẩm MMDS, tuy nhiên cho đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận. Vì vậy, các quy định về quản lý chất lượng sản phẩm MMDS tại Luật An toàn thông tin mạng chưa thể thực thi.

Do đó, để thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, sử dụng sản phẩm MMDS, kịp thời đáp ứng yêu cầu của tổ chức, cá nhân đối với về chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm MMDS, đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện hệ thống pháp luật về quản lý MMDS thì việc xây dựng, ban hành quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm MMDS là cần thiết.

Bên cạnh đó, trong công tác quản lý chất lượng sản phẩm MMDS, một số hoạt động cần thiết như thử nghiệm, kiểm định, giám định sản phẩm MMDS chưa được triển khai do thiếu nguồn lực về cơ sở vật chất, lực lượng chuyên gia; cần được nghiên cứu, bổ sung các quy định về điều kiện của tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp sản phẩm MMDS theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

e) Về quy định giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực MMDS

Trong các năm 2020, 2021, 2022, Chính phủ đã thực hiện các giải pháp đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt giảm các quy định, điều kiện kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ⁴ và thực hiện phân cấp giải quyết thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm quy định, điều kiện kinh doanh và phương án phân cấp đối với 05 thủ tục hành chính trong lĩnh vực MMDS⁵. Để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hoá quy định, điều

⁴ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025

⁵ Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ.

kiện kinh doanh và phân cấp giải quyết thủ tục hành chính đó, cần sửa đổi, bổ sung các quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục tại Luật An toàn thông tin mạng và sửa đổi các quy định, mẫu biểu liên quan tại Phụ lục III Nghị định 58/2016/NĐ-CP.

2. Nguyên nhân

- Quản lý MMDS là lĩnh vực mới được quy định tại Luật An toàn thông tin mạng; sản phẩm, công nghệ và giải pháp bảo mật phát triển và thay đổi liên tục, trong quá trình triển khai thực hiện cần có những thay đổi kịp thời để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với thực trạng kinh doanh, sử dụng sản phẩm MMDS, phù hợp với sự phát triển công nghệ bảo mật trên thế giới, đảm bảo việc kiểm soát chặt chẽ của cơ quan chức năng nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân khi thực hiện các quy định của pháp luật liên quan. Tuy nhiên công tác nghiên cứu, tham mưu, phối hợp rà soát Danh mục sản phẩm, dịch vụ MMDS còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

- Một số quy định tại các văn bản liên quan như Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa... chưa được điều chỉnh, bổ sung; một số quy định tại Luật An toàn thông tin mạng chưa được rà soát và quy định chi tiết dẫn đến việc triển khai công tác quản lý MMDS còn gặp vướng mắc.

- Công tác quản lý nhà nước về MMDS triển khai trong điều kiện cắt giảm biên chế, tinh gọn tổ chức; các nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đánh giá sự phù hợp sản phẩm MMDS còn rất hạn chế... dẫn đến các biện pháp quản lý nhà nước về MMDS chưa được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nghị định số 58/2016/NĐ-CP là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai thực hiện quản lý nhà nước về MMDS theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định, Ban Cơ yếu Chính phủ đã giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu và thực hiện kiểm tra đối với trên 250 doanh nghiệp trên phạm vi cả nước, quản lý và giám sát đối với hàng chục ngàn sản phẩm MMDS và các dịch vụ MMDS đang được sử dụng để mã hóa, bảo mật thông tin trong các lĩnh vực quan trọng của đời sống kinh tế - xã hội như tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, giao thông, y tế, giáo dục, thương mại... Ban Cơ yếu Chính phủ đã khắc phục mọi khó khăn về tổ chức, biên chế, về điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, chủ động phối hợp với các cơ quan Bộ, ngành liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt các quy định của pháp luật về kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS; đặc biệt quan tâm hỗ trợ và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng sản phẩm, công nghệ mật mã vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Công

tác quản lý MMDS trong thời gian qua đã góp phần đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, kiểm soát và ngăn ngừa việc lạm dụng mật mã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị định 58/2016/NĐ-CP cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan và tình hình thực tiễn.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về các quy định của Nghị định và văn bản hướng dẫn thi hành

Sửa đổi, bổ sung Nghị định 58/2016/NĐ-CP để khắc phục các tồn tại, bất cập, hạn chế đã nêu ở trên, cụ thể:

- Bổ sung quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy và công bố hợp quy sản phẩm MMDS, nguyên tắc chứng nhận và công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm MMDS, các trường hợp không phải chứng nhận và công bố hợp quy sản phẩm MMDS; nghiên cứu xây dựng quy định về điều kiện áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp sản phẩm MMDS (bao gồm các hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định sản phẩm MMDS) theo quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các văn bản liên quan;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về xử lý vi phạm hành chính: bổ sung các quy định về tổ chức là đối tượng bị xử phạt; thời hiệu xử phạt, bổ sung quy định các hình thức xử phạt (xử phạt chính, xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả); bổ sung các hành vi vi phạm và thay đổi mức phạt tiền tương ứng với mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực cơ yếu; sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực MMDS;

- Cập nhật, bổ sung các quy định mới về cắt giảm, đơn giản hoá quy định, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực MMDS đối với 05 thủ tục hành chính về MMDS (cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm thành phần hồ sơ); cập nhật quy định mới theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, theo đó phân cấp cho Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã - Ban Cơ yếu Chính phủ cấp Giấy phép, sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ MMDS, cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS;

- Bổ sung quy định về quản lý xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS: quy định về xuất nhập khẩu sản phẩm MMDS không nhằm mục đích kinh doanh; quy định trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm MMDS; nghiên cứu, đề xuất giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc

phòng ban hành văn bản quy định mã số HS đối với sản phẩm MMDS xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép;

- Bổ sung quy định về thủ tục để hướng dẫn người sử dụng sản phẩm MMDS không do doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh sản phẩm MMDS cung cấp tuân thủ nghĩa vụ khai báo cho Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật An toàn thông tin mạng;

- Về Danh mục sản phẩm, dịch vụ MMDS: rà soát, quy định danh mục các sản phẩm MMDS để tránh việc quản lý, cấp phép chồng chéo các sản phẩm an toàn thông tin mạng và sản phẩm MMDS.

2. Về các biện pháp triển khai thi hành Nghị định

Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan Bộ, ngành liên quan (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ...) rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan để có các giải pháp đồng bộ, kịp thời, hiệu quả trong thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu, sử dụng sản phẩm an toàn thông tin mạng và mật mã dân sự.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng BQP;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Công thương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, BCY. HL16.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang